

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2014



**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy chứng nhận Đăng ký  
Kinh doanh số**

0200344752

ngày 5 tháng 3 năm 1999

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200344752 ngày 4 tháng 3 năm 2014. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Phạm Hữu Quý Lâm  
Bùi Quốc Hưng  
Lâm Hồng Thanh  
Nguyễn Văn Bình  
Mai Xuân Phong

Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Giám đốc**

Nguyễn Văn Bình  
Wilson Cheah Hui Pin  
Nguyễn Văn Bình  
Phạm Thị Thu Nga

Tổng Giám đốc  
*(từ ngày 1 tháng 7 năm 2014)*  
Tổng Giám đốc  
*(đến ngày 1 tháng 7 năm 2014)*  
Phó Tổng Giám đốc  
*(đến ngày 1 tháng 7 năm 2014)*  
Phó Tổng Giám đốc  
*(từ ngày 10 tháng 3 năm 2014)*

**Ban Kiểm soát**

Nguyễn Thành Chánh  
Đoàn Thị Chín  
Trần Phước Thái

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên

**Trụ sở đăng ký**

Số 71 Lê Lai  
Quận Ngô Quyền  
Thành phố Hải Phòng  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 4 đến 38 phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (“Công ty”) và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để cho rằng Công ty và công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Bình  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, ngày 25 tháng 8 năm 2014



**KPMG Limited**  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,  
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,  
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600  
Fax + 84 (4) 3946 1601  
Internet www.kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông**  
**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (“Công ty”) và công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 8 năm 2014, được trình bày từ trang 4 đến trang 38. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 14-02-113/b



Wang Toon Kim  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 0557-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Lê Việt Hùng  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2014

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014**

Mẫu B 01a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>111.090.430.871</b>	<b>121.759.431.674</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>17.943.253.757</b>	<b>22.228.467.834</b>
Tiền	111		17.943.253.757	22.228.467.834
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>2.289.217.014</b>	<b>1.741.762.200</b>
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		5.952.080.000	5.952.080.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(3.662.862.986)	(4.210.317.800)
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>20.261.032.298</b>	<b>9.792.197.378</b>
Phải thu khách hàng	131		19.386.041.077	8.689.453.525
Trả trước cho người bán	132		571.436.288	824.115.827
Các khoản phải thu khác	135	7	7.147.604.385	7.122.677.478
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(6.844.049.452)	(6.844.049.452)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>68.135.670.846</b>	<b>87.391.494.152</b>
Hàng tồn kho	141		69.032.227.150	88.288.050.456
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(896.556.304)	(896.556.304)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.461.256.956</b>	<b>605.510.110</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		97.817.412	288.532.716
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.350.107.796	32.573.275
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		553.402.215	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		459.929.533	284.404.119
<b>Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>60.322.043.915</b>	<b>57.576.780.866</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>59.646.272.798</b>	<b>56.948.352.429</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	44.782.332.603	43.023.718.637
<i>Nguyên giá</i>	222		128.496.867.364	122.640.635.102
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(83.714.534.761)	(79.616.916.465)
Tài sản cố định vô hình	227	10	12.532.172.202	12.532.172.202
<i>Nguyên giá</i>	228		12.532.172.202	12.532.172.202
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	2.331.767.993	1.392.461.590
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>675.771.117</b>	<b>628.428.437</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		335.771.117	428.428.437
Tài sản dài hạn khác	268		340.000.000	200.000.000
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>171.412.474.786</b>	<b>179.336.212.540</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>61.270.973.627</b>	<b>72.582.370.251</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>60.999.687.912</b>	<b>72.311.084.536</b>
Vay ngắn hạn	311	12	14.512.863.434	11.281.960.063
Phải trả người bán	312		15.480.742.404	24.082.695.801
Người mua trả tiền trước	313		3.753.301.778	2.209.875.907
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	5.521.372.891	8.673.211.091
Phải trả người lao động	315		8.755.531.335	11.381.158.116
Chi phí phải trả	316	14	3.586.117.307	6.090.716.509
Các khoản phải trả khác	319	15	1.338.400.815	854.353.456
Dự phòng phải trả	320	16	5.458.254.250	5.458.254.250
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	17	2.593.103.698	2.278.859.343
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>271.285.715</b>	<b>271.285.715</b>
Phải trả dài hạn khác	333		271.285.715	271.285.715
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>110.141.501.159</b>	<b>106.753.842.289</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>110.141.501.159</b>	<b>106.753.842.289</b>
Vốn cổ phần	411	19	50.000.000.000	50.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		15.753.387.350	15.753.387.350
Quỹ đầu tư phát triển	417	21	13.506.371.237	12.232.663.256
Quỹ dự phòng tài chính	418	21	11.493.304.394	10.856.450.403
Lợi nhuận chưa phân phối	420		19.388.438.178	17.911.341.280
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>171.412.474.786</b>	<b>179.336.212.540</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Đơn vị tiền tệ	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	VND	2.396.601.988	2.396.601.988
Ngoại tệ	USD	4.998	2.892

Ngày 25 tháng 8 năm 2014

Người lập:



Nguyễn Hồng Nam  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Bình  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014**

Mẫu B 02a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>22</b>	<b>198.981.192.058</b>	<b>318.369.503.415</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>22</b>	<b>3.200.665.677</b>	<b>906.724.388</b>
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>22</b>	<b>195.780.526.381</b>	<b>317.462.779.027</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>23</b>	<b>138.731.325.826</b>	<b>259.546.990.663</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>57.049.200.555</b>	<b>57.915.788.364</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	186.717.883	158.055.893
Chi phí tài chính	22	25	67.474.618	3.953.031.844
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		551.008.284	2.657.593.836
Chi phí bán hàng	24		23.064.041.728	29.479.177.332
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.602.532.220	23.427.933.472
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>15.501.869.872</b>	<b>1.213.701.609</b>
Thu nhập khác	31	26	3.131.828.862	741.371.008
Chi phí khác	32	27	3.312.781.395	109.455.868
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(180.952.533)</b>	<b>631.915.140</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>15.320.917.339</b>	<b>1.845.616.749</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>28</b>	<b>3.156.404.478</b>	<b>839.273.035</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>12.164.512.861</b>	<b>1.006.343.714</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.433	201

Ngày 25 tháng 8 năm 2014

Người lập:

Nguyễn Hồng Nam  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Văn Bình  
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>15.320.917.339</b>	<b>1.845.616.749</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		4.097.618.296	4.576.827.504
Các khoản dự phòng	03		(547.454.814)	(480.891.299)
Chênh lệch giữa giá trị nhận được từ thanh lý và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con bị thanh lý	05		-	1.180.402.339
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05		(26.877.085)	(157.074.516)
Chi phí lãi vay	06		551.008.284	2.657.593.836
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>19.395.212.020</b>	<b>9.622.474.613</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(12.339.771.656)	(7.500.295.660)
Biến động hàng tồn kho	10		19.255.823.306	27.569.341.180
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(12.103.121.934)	1.384.081.739
Biến động chi phí trả trước	12		283.372.624	(553.250.206)
			<b>14.491.514.360</b>	<b>30.522.351.666</b>
Tiền lãi vay đã trả	13		(551.008.284)	(2.657.593.836)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(5.909.826.894)	(7.747.152.159)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.278.135.050)	(815.147.723)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>6.752.544.132</b>	<b>19.302.457.948</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(6.795.538.665)	(153.762.024)
Tiền thu từ thanh lý công ty con	24		-	4.074.947.966
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		26.877.085	157.074.516
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(6.768.661.580)</b>	<b>4.078.260.458</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		35.185.777.938	115.963.504.265
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(31.954.874.567)	(132.253.142.767)
Tiền trả cổ tức	36		(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(4.269.096.629)</b>	<b>(23.789.638.502)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(4.285.214.077)</b>	<b>(408.920.096)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		22.228.467.834	8.717.100.540
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	5	17.943.253.757	8.308.180.444

Ngày 25 tháng 8 năm 2014

Người lập:



Nguyễn Hồng Nam  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Bình  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

## Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

#### 1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm Công ty và công ty con của Công ty (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”). Các hoạt động chính của Công ty và công ty con của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất của chủ sở hữu, người sử dụng đất hoặc người thuê đất;
- Sản xuất, chế biến, đóng hộp và xuất khẩu các mặt hàng thủy, hải sản, súc sản đông lạnh và các thực phẩm khác;
- Nhập khẩu các thiết bị, công nghệ, nguyên vật liệu, hóa chất phục vụ sản xuất các mặt hàng của Công ty;
- Sản xuất dầu gan cá và các chế phẩm nang mềm;
- Sản xuất các chế phẩm từ tảo biển: Agar – Alginate; và
- Kinh doanh xăng, dầu, khí đốt và khí hóa lỏng.

Chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

Tên công ty con	Hoạt động chính	30/6/2014 và 31/12/2013	
		Tỷ lệ sở hữu đăng ký	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long - Đà Nẵng	Chế biến và bảo quản cá và các sản phẩm từ cá, chế biến và bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, chế biến và bảo quản rau củ quả, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và các mặt hàng thủy sản, và là đại lý bán hàng, ký gửi	100%	100%

Công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty và công ty con có 801 nhân viên (31/12/2013: 725 nhân viên).

#### 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

##### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

##### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ tập công ty và công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty và công ty con tại đơn vị nhận đầu tư.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(d) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	8 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 4 năm

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(h) Tài sản cố định vô hình**

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao không được tính đối với quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và công ty con và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty và công ty con phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty và công ty con xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## **Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty và công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty và công ty con xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty và công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty và công ty con có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty và công ty con xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty và công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty và công ty con có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

#### *Tài sản sẵn sàng để bán*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

#### **(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty và công ty con xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(ii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(p) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(q) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty và công ty con trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

**(r) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty và công ty con được lập theo vùng địa lý.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên liên quan bao gồm các tổ chức và các cá nhân có ảnh hưởng đáng kể trực tiếp hoặc gián tiếp tới Công ty và công ty con, các nhân viên quản lý chủ chốt, các thành viên mật thiết trong gia đình của những người này và các công ty con và các công ty liên kết của các tổ chức và cá nhân này.



**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**4. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Công ty và công ty con có bộ phận phân chia theo vùng địa lý chính như sau:

	Nội địa		Xuất khẩu		Loại trừ		Hợp nhất	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	147.536.545.260	317.462.779.027	48.243.981.121	-	-	-	195.780.526.381	317.462.779.027
Doanh thu giữa các bộ phận	12.027.910.100	26.012.010.696	-	-	(12.027.910.100)	(26.012.010.696)	-	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>159.564.455.360</b>	<b>343.474.789.723</b>	<b>48.243.981.121</b>	<b>-</b>	<b>(12.027.910.100)</b>	<b>(26.012.010.696)</b>	<b>195.780.526.381</b>	<b>317.462.779.027</b>
Kết quả kinh doanh của bộ phận	13.520.506.141	2.394.103.948	3.227.691.251	-	(1.246.327.520)	(1.180.402.339)	15.501.869.872	1.213.701.609
Thu nhập khác	3.131.828.862	942.152.941	-	-	-	(200.781.933)	3.131.828.862	741.371.008
Chi phí khác	(3.312.781.395)	(310.237.801)	-	-	-	200.781.933	(3.312.781.395)	(109.455.868)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.963.744.556)	(839.273.035)	(192.659.922)	-	-	-	(3.156.404.478)	(839.273.035)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>	<b>10.375.809.052</b>	<b>2.186.746.053</b>	<b>3.035.031.329</b>	<b>-</b>	<b>(1.246.327.520)</b>	<b>(1.180.402.339)</b>	<b>12.164.512.861</b>	<b>1.006.343.714</b>

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

	Nội địa		Xuất khẩu		Loại trừ		Hợp nhất	
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản của bộ phận	172.875.290.888	179.336.212.540	43.521.635.842	-	(44.984.451.944)	-	171.412.474.786	179.336.212.540
Nợ phải trả của bộ phận	57.600.199.206	72.582.370.251	31.073.270.560	-	(27.402.496.139)	-	61.270.973.627	72.582.370.251
Chi phí vốn	4.462.491.751	153.762.024	2.333.046.914	-	-	-	6.795.538.665	153.762.024
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	3.461.612.572	4.576.827.504	636.005.724	-	-	-	4.097.618.296	4.576.827.504
Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND		Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND		Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND		Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND		Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(b) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Công ty và công ty con gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

	Sản xuất thực phẩm đóng hộp		Kinh doanh thực phẩm		Loại trừ		Hợp nhất	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	195.780.526.381	148.730.606.537	-	168.732.172.490	-	-	195.780.526.381	317.462.779.027
Doanh thu giữa các bộ phận	12.027.910.100	15.796.322.926	-	10.215.687.770	(12.027.910.100)	(26.012.010.696)	-	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>207.808.436.481</b>	<b>164.526.929.463</b>	<b>-</b>	<b>178.947.860.260</b>	<b>(12.027.910.100)</b>	<b>(26.012.010.696)</b>	<b>195.780.526.381</b>	<b>317.462.779.027</b>
Kết quả kinh doanh của bộ phận	16.748.197.392	1.859.841.088	-	534.262.860	(1.246.327.520)	(1.180.402.339)	15.501.869.872	1.213.701.609
Thu nhập khác	3.131.828.862	942.152.941	-	-	-	(200.781.933)	3.131.828.862	741.371.008
Chi phí khác	(3.312.781.395)	(310.237.801)	-	-	-	200.781.933	(3.312.781.395)	(109.455.868)
Thuê thu nhập doanh nghiệp	(3.156.404.478)	(705.707.320)	-	(133.565.715)	-	-	(3.156.404.478)	(839.273.035)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>	<b>13.410.840.381</b>	<b>1.786.048.908</b>	<b>-</b>	<b>400.697.145</b>	<b>(1.246.327.520)</b>	<b>(1.180.402.339)</b>	<b>12.164.512.861</b>	<b>1.006.343.714</b>

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

	Sản xuất thực phẩm đóng hộp		Kinh doanh thực phẩm		Loại trừ		Hợp nhất	
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản của bộ phận	216.396.926.730	179.336.212.540	-	-	(44.984.451.944)	-	171.412.474.786	179.336.212.540
Nợ phải trả của bộ phận	88.673.469.766	72.582.370.251	-	-	(27.402.496.139)	-	61.270.973.627	72.582.370.251
Chi phí vốn	6.795.538.665	153.762.024	-	-	-	-	6.795.538.665	153.762.024
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	4.097.618.296	4.206.096.504	-	370.731.000	-	-	4.097.618.296	4.576.827.504
	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND</b>

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	208.962.023	721.343.665
Tiền gửi ngân hàng	17.734.291.734	21.507.124.169
	17.943.253.757	22.228.467.834

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

	30/6/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Đầu tư ngắn hạn:				
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú	4.740	303.300.000	4.740	303.300.000
▪ Ngân hàng TMCP Quân đội	96.701	3.142.610.000	96.701	3.142.610.000
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	82.411	2.506.170.000	51.935	2.506.170.000
	183.852	5.952.080.000	153.376	5.952.080.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn		(3.662.862.986)		(4.210.317.800)
		2.289.217.014		1.741.762.200

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	4.210.317.800	4.181.392.000
Hoàn nhập	(547.454.814)	(80.839.700)
Số dư cuối kỳ	3.662.862.986	4.100.552.300

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**7. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2014</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>
Phải thu người lao động	554.049.430	567.000.000
Phải thu từ các cá nhân (*)	5.458.254.250	5.458.254.250
Phải thu khác	1.135.300.705	1.097.423.228
	<hr/>	<hr/>
	7.147.604.385	7.122.677.478

(\*) Các khoản phải thu từ các cá nhân về thuế giá trị gia tăng phải nộp ngân sách Nhà nước trị giá 5.458.254.250 VND đã được ghi nhận theo bản án phúc thẩm số 03/HSPT ngày 12 và 13 tháng 1 năm 2005.

**8. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2014</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	3.378.386.246	1.594.675.522
Nguyên vật liệu	27.868.805.125	38.511.915.273
Công cụ, dụng cụ	277.074.919	179.434.679
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.852.232.416	15.943.923.635
Thành phẩm	30.537.171.627	30.709.363.410
Hàng hóa	6.067.536	-
Hàng gửi đi bán	112.489.281	1.348.737.937
	<hr/>	<hr/>
	69.032.227.150	88.288.050.456
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(896.556.304)	(896.556.304)
	<hr/>	<hr/>
	68.135.670.846	87.391.494.152

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2014</b> <b>VND</b>	<b>30/6/2013</b> <b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	896.556.304	1.603.174.608
Hoàn nhập	-	(468.721.225)
Thanh lý công ty con	-	(144.863.110)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	896.556.304	989.590.273

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 19.489 triệu VND (31/12/2013: 33.300 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và công ty con.

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	50.896.419.997	62.634.710.675	6.869.616.724	2.239.887.706	122.640.635.102
Tăng trong kỳ	-	5.856.232.262	-	-	5.856.232.262
Phân loại lại	-	-	(32.583.314)	32.583.314	-
Số dư cuối kỳ	50.896.419.997	68.490.942.937	6.837.033.410	2.272.471.020	128.496.867.364
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	26.396.184.343	46.030.570.903	5.734.304.839	1.455.856.380	79.616.916.465
Khấu hao trong kỳ	1.529.675.245	1.935.344.881	443.208.594	189.389.576	4.097.618.296
Số dư cuối kỳ	27.925.859.588	47.965.915.784	6.177.513.433	1.645.245.956	83.714.534.761
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	24.500.235.654	16.604.139.772	1.135.311.885	784.031.326	43.023.718.637
Số dư cuối kỳ	22.970.560.409	20.525.027.153	659.519.977	627.225.064	44.782.332.603

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 có các tài sản có nguyên giá 54.135 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 50.043 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 25.858 triệu VND (31/12/2013: 9.500 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và công ty con.

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**10. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định.

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Số dư đầu kỳ	1.392.461.590	1.423.007.044
Tăng trong kỳ	939.306.403	153.762.024
Số dư cuối kỳ	2.331.767.993	1.576.769.068

Xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện cơ sở hạ tầng được phát triển với mục đích cho thuê trong tương lai.

**12. Vay ngắn hạn**

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	14.512.863.434	10.159.608.819
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	1.122.351.244
	14.512.863.434	11.281.960.063

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản vay từ ngân hàng Indovina (“Indovinabank”)				
046CL/IVB HP-CR/2013	VND	6%	8.431.060.494	4.716.409.500
Các khoản vay từ ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam (“Eximbank”)				
1603LAV 20140026	VND	10%	2.750.000.000	-
Các khoản vay từ Indovinabank – Chi nhánh Đà Nẵng				
07/1701.14/CL/6277177	USD	3,50%	3.331.802.940	-
Các khoản vay từ HSBC				
HPO 130985	VND	8,8%	-	5.386.765.053
Các khoản vay khác	VND	12%	-	56.434.266
			14.512.863.434	10.159.608.819



**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

Các khoản vay từ Indovinabank được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 28.299 triệu VND (31/12/2013: 27.800 triệu VND) (Thuyết minh 8 và 9).

Các khoản Eximbank được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 3.587 triệu VND (31/12/2013: Không) (Thuyết minh 9).

Các khoản vay từ Indovinabank – Chi nhánh Đà Nẵng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 13.461 triệu VND (31/12/2013: Không).

Các khoản vay khác không được đảm bảo.

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	2.187.144.357	1.935.707.568
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.947.994.495	5.701.416.911
Thuế thu nhập cá nhân	386.234.039	567.468.923
Thuế nhà đất	-	468.617.689
	<hr/>	<hr/>
	5.521.372.891	8.673.211.091
	<hr/>	<hr/>

**14. Chi phí phải trả**

	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả chi phí tiếp thị và quảng cáo	1.443.942.361	4.743.941.173
Phải trả chi phí điện, nước và tiện ích khác	1.208.248.818	1.346.775.336
Chi phí phải trả khác	933.926.128	-
	<hr/>	<hr/>
	3.586.117.307	6.090.716.509
	<hr/>	<hr/>

**15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	236.574.837	190.119.703
Bảo hiểm xã hội	107.597.022	(1.352.896)
Bảo hiểm y tế	11.618.933	308.180.683
Bảo hiểm thất nghiệp	5.106.570	133.900.270
Các khoản phải trả khác	977.503.453	223.505.696
	<hr/>	<hr/>
	1.338.400.815	854.353.456
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**16. Các khoản dự phòng**

Khoản tiền 5.458.254.250 phản ánh khoản dự phòng thuế giá trị gia tăng phải trả Nhà nước theo bản án phúc thẩm số 03/HSPT ngày 12 và 13 tháng 1 năm 2005. Công ty có nghĩa vụ phải trả khoản thuế này cho ngân sách Nhà nước khi thu được từ các cá nhân. Tại ngày báo cáo, Công ty vẫn không có khả năng thu được khoản này từ các cá nhân.

**17. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi thưởng và phúc lợi cho người lao động của Công ty và công ty con theo quy chế khen thưởng và phúc lợi của Công ty và Công ty con. Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	2.278.859.343	3.020.331.757
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 18)	636.853.991	531.173.549
Sử dụng trong kỳ	(322.609.636)	(751.662.072)
Thanh lý công ty con	-	(311.636.891)
Số dư cuối kỳ	2.593.103.698	2.488.206.343

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**18. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế) VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013</b>	50.000.000.000	15.753.387.350	11.301.501.805	10.674.230.924	14.384.497.222	102.113.617.301
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	1.006.343.714	1.006.343.714
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	1.075.608.908	537.804.454	(1.613.413.362)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(531.173.549)	(531.173.549)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(12.198.182)	(8.287.469)	(43.000.000)	(63.485.651)
Thanh lý công ty con	-	-	(132.249.275)	(345.101.884)	477.351.159	-
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013</b>	50.000.000.000	15.753.387.350	12.232.663.256	10.858.646.025	6.180.605.184	95.025.301.815
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	50.000.000.000	15.753.387.350	12.232.663.256	10.856.450.403	17.911.341.280	106.753.842.289
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	12.164.512.861	12.164.512.861
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	1.273.707.981	636.853.991	(1.910.561.972)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(636.853.991)	(636.853.991)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Thường cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc (*)	-	-	-	-	(640.000.000)	(640.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>	50.000.000.000	15.753.387.350	13.506.371.237	11.493.304.394	19.388.438.178	110.141.501.159

(\*) Các cổ đông của Công ty vào ngày 25 tháng 4 năm 2014 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 690 triệu VND từ lợi nhuận ròng năm 2013 của Công ty cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc. Tại ngày báo cáo, Công ty đã trả 640 triệu VND.

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**19. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2014 và 31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	5.000.000	50.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	50.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	50.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

**20. Cổ tức**

Vào ngày 25 tháng 4 năm 2014, các cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 7.500 triệu VND (1.500 VND trên một cổ phiếu).

Trong năm trước, vào ngày 24 tháng 4 năm 2013, các cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 7.500 triệu VND (1.500 VND trên một cổ phiếu).

**21. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu**

Ngày 25 tháng 4 năm 2014, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định trích lập 1.274 triệu VND vào Quỹ đầu tư và phát triển và 637 triệu VND vào Quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận ròng năm 2013.

Ngày 24 tháng 4 năm 2013, các cổ đông của Công ty đã quyết định trích lập 1.075 triệu VND vào Quỹ đầu tư và phát triển và 538 triệu VND vào Quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận ròng năm 2012.

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN****22. Doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	198.462.537.634	317.508.541.954
▪ Doanh thu cho thuê	518.654.424	860.961.461
	<hr/>	<hr/>
	198.981.192.058	318.369.503.415
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	3.019.634.229	656.121.532
▪ Hàng bán bị trả lại	181.031.448	250.602.856
	<hr/>	<hr/>
	3.200.665.677	906.724.388
Doanh thu thuần	<hr/>	<hr/>
	195.780.526.381	317.462.779.027

**23. Giá vốn hàng bán**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Thành phẩm đã bán	138.552.550.467	259.862.475.866
Cho thuê bất động sản đầu tư	178.775.359	153.236.022
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(468.721.225)
	<hr/>	<hr/>
	138.731.325.826	259.546.990.663

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi	26.877.085	125.884.316
Cổ tức được chia	-	31.190.200
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	159.840.798	977.174
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	4.203
	<hr/>	<hr/>
	186.717.883	158.055.893
	<hr/>	<hr/>

**25. Chi phí tài chính**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	551.008.284	2.657.593.836
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	(547.454.814)	(80.839.700)
Chênh lệch giữa giá trị nhận được từ thanh lý và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con bị thanh lý	-	1.180.402.339
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	63.921.148	12.346.041
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	183.529.328
	<hr/>	<hr/>
	67.474.618	3.953.031.844
	<hr/>	<hr/>

**26. Thu nhập khác**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Bán phế liệu	2.915.733.468	-
Thu nhập khác	216.095.394	741.371.008
	<hr/>	<hr/>
	3.131.828.862	741.371.008
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**27. Chi phí khác**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Giá vốn bán phế liệu	2.832.159.525	-
Chi phí khác	480.621.870	109.455.868
	<u>3.312.781.395</u>	<u>109.455.868</u>

**28. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	3.156.404.478	839.273.035

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	15.320.917.339	1.845.616.749
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	3.370.601.815	461.404.187
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	538.311.774
Thu nhập không bị tính thuế	-	(7.797.550)
Lỗi tính thuế được sử dụng	(488.389.391)	(152.645.376)
Ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất	274.192.054	-
	<u>3.156.404.478</u>	<u>839.273.035</u>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận chịu thuế (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013: 25%).

Theo Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và công ty con được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

## **29. Lãi trên cổ phiếu**

### **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 12.164.512.861 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013: 1.006.343.714 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 5.000.000 cổ phiếu (30/6/2013: 5.000.000 cổ phiếu).

## **30. Các công cụ tài chính**

### **(a) Quản lý rủi ro tài chính**

#### **(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty và công ty con phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty và công ty con có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty và công ty con sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro

Ban Kiểm soát của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty và công ty con như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty và công ty con gặp phải.

#### **(ii) Khung quản lý rủi ro**

Ban Kiểm soát của Công ty có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty và công ty con. Ban Kiểm soát có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty và công ty con.

### **(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty và công ty con nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.



**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

***Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng***

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	17.734.291.734	21.507.124.169
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	19.689.596.010	8.968.081.551
		37.423.887.744	30.475.205.720

**(i) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Công ty và công ty con chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty và công ty con.

**(ii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty và công ty con chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty và công ty con đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty và công ty con đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty và công ty con không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu là các khoản phải thu từ các Công ty và công ty con có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty và công ty con. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	1.820.530.913	4.030.918.210
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	-	3.893.698.784
	1.820.530.913	7.924.616.994

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

Biến động trong kỳ của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Số dư đầu kỳ	6.844.049.452	6.838.027.093
Tăng dự phòng trong kỳ	-	68.669.626
Thanh lý công ty con	-	(168.647.267)
Số dư cuối kỳ	6.844.049.452	6.738.049.452

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty và công ty con không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty và công ty con là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty và công ty con luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty và công ty con.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

**Ngày 30 tháng 6 năm 2014**

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	20.315.648.879	20.315.648.879	20.044.363.164	271.285.715
Vay ngắn hạn	14.512.863.434	14.580.819.792	14.580.819.792	-
	34.828.512.313	34.896.468.671	34.625.182.956	271.285.715

**Ngày 31 tháng 12 năm 2013**

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	30.668.203.721	30.668.203.721	30.396.918.006	271.285.715
Vay ngắn hạn	10.159.608.819	10.837.116.102	10.837.116.102	-
Vay dài hạn	1.122.351.244	1.135.150.662	1.135.150.662	-
	41.950.163.784	42.640.470.485	42.369.184.770	271.285.715

Công ty và công ty con quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn, duy trì một số hạn mức tín dụng với các ngân hàng, và quản lý và duy trì vốn lưu động của Công ty và công ty con.

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty và công ty con hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty và công ty con nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Công ty và công ty con có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của các đơn vị của Công ty và công ty con. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty và công ty con được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

*Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái*

Công ty và công ty con có các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2014 USD	31/12/2013 USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.998	2.892
Phải thu khách hàng	132.828	-
Vay ngắn hạn	(157.000)	-
Phải trả người bán	(38.893)	-
	(58.067)	2.892

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty và công ty con áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2014	31/12/2013
USD/VND	21.300	21.165

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty và công ty con sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	<b>Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần VND</b>
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2014</b> USD (mạnh thêm 2% so với VND)	(19.294.503)
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</b> USD (mạnh thêm 2% so với VND)	918.138

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lãi thuần của Công ty và công ty con.

**(ii) *Rủi ro lãi suất***

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty và công ty con như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>30/6/2014 VND</b>	<b>31/12/2013 VND</b>
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Nợ phải trả tài chính	(14.512.863.434)	(11.281.960.063)

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 113 triệu VND lợi nhuận thuần của Công ty và công ty con (31/12/2013: 85 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

**(iii) *Các rủi ro thị trường khác***

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn sẵn sàng để bán do Công ty nắm giữ. Ban Giám đốc Công ty theo dõi các chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Ban Giám đốc của Công ty phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(e) Giá trị hợp lý**

**(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:				
▪ Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu nắm giữ để kinh doanh	2.289.217.014	2.289.217.014	1.741.762.200	1.741.762.200
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	17.943.253.757	17.943.253.757	22.228.467.834	22.228.467.834
▪ Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.689.596.010	19.689.596.010	8.968.081.551	8.968.081.551
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
▪ Phải trả người bán và phải trả khác	(20.315.648.879)	(20.315.648.879)	(30.668.203.721)	(30.668.203.721)
▪ Vay ngắn hạn	(14.512.863.434)	(14.512.863.434)	(10.159.608.819)	(10.159.608.819)
▪ Vay dài hạn	-	-	(1.122.351.244)	(*)
	5.093.554.468	5.093.554.468	(9.011.852.199)	(*)

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(ii) **Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

*Các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn chủ sở hữu và chứng khoán nợ*

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn chủ sở hữu và chứng khoán nợ được xác định bằng kỹ thuật định giá theo phương pháp giá thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

*Tài sản và nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn*

Giá trị hợp lý của các khoản tài sản và nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn được xác định là giá trị ghi sổ do bản chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này.

*Tài sản và nợ phải trả tài chính phi phái sinh dài hạn (\*)*

(\*) Công ty và công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	1.711.665.504	1.227.992.374
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
Tiền lương và thưởng	1.057.999.998	864.856.464

**32. Các cam kết**

(a) **Chi tiêu vốn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 Công ty và công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	501.351.901	-

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

**(b) Hợp đồng thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2014 VND</b>	<b>31/12/2013 VND</b>
Trong vòng một năm	669.133.333	555.185.840
Trong vòng hai đến năm năm	238.900.000	361.600.000
	<hr/>	<hr/>
	908.033.333	916.785.840

**33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2014 VND</b>	<b>30/6/2013 VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	113.405.315.364	235.040.639.601
Chi phí nhân công	32.100.745.611	33.151.569.374
Chi phí khấu hao	4.097.618.296	4.576.827.504
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.657.734.429	4.637.676.952
Chi phí khác	15.872.603.072	29.381.710.261

Ngày 25 tháng 8 năm 2014

Người lập:

Nguyễn Hồng Nam  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Bình  
Tổng Giám đốc